

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/7/2019

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

2. Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Trần Thị P thể hiện: Chị và anh Nguyễn Quốc T có quan hệ tình cảm và có con chung với nhau. Năm 2014, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên mâu thuẫn phát sinh, Đến năm 2016, chị giao con cho anh T nuôi và về nhà cha mẹ ruột để ở. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 29/6/2013. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao cháu V cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị tự cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo của bị đơn anh Nguyễn Quốc T thể hiện: Anh và chị P tìm hiểu và có quan hệ tình cảm với nhau. Sau đó, chị P có thai và sinh con. Đến năm 2014 thì gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, chị P về sinh sống ở gia đình anh nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc do tính tình không hợp nhau, hai người thường xuyên cãi vã. Năm 2016, chị P đã về nhà cha mẹ ruột để ở; anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Sau khi giải quyết quan hệ hôn nhân của anh chị, anh có nguyện vọng nuôi con chung của anh chị và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng; mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quốc T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 29/6/2013 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung:**

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quốc T đều thừa nhận có quan hệ tình cảm và có con trước khi chung sống với nhau. Năm 2014, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Năm 2016, chị P về nhà mẹ ruột để ở, anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Nay, chị P có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T thể hiện: Chị P và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn giữa chị P và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng (không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng) theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P có yêu cầu xin ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quốc T.

[2.2]. Về nuôi con: Anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 29/6/2013. Chị P có nguyện vọng giao con cho anh T nuôi và tự giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý nhận nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi chị P và anh T không chung sống cùng nhau nữa thì anh T là người trực tiếp nuôi con từ đó cho đến nay. Vì vậy, việc giao cháu Vy cho anh T nuôi là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của chị P và anh T.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh chị không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân (quan hệ vợ chồng) giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 29/6/2013 cho anh Nguyễn Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị P chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004381 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Chị P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Châu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tuyên

